

CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021

Bắc Giang – 2022

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
Tên tiếng Anh:	HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	HPCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp:	Số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016.
Vốn điều lệ:	84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:	8.400.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính:	Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Số điện thoại:	0204 3526 066
Số fax:	0204 3526 066
Website:	http://hungphathabac.com.vn
Mã chứng khoán:	HPH

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc nằm ở phía Bắc thành phố Bắc Giang, phía Đông và phía Bắc giáp Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, phía Nam giáp phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang và phía Tây giáp Công ty cổ phần Than hoạt tính Trường Phát.

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000297 ngày 01/02/2008 thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016 với mức vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng.

Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập, trong đó Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc) nắm cổ phần chi phối. Mục tiêu thành lập và hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư sản xuất và cung cấp Hydrogen Peroxide có công thức hóa học là H_2O_2 , còn gọi là ô xy già sử dụng rộng rãi trong công nghiệp sản xuất giấy, dệt, điện tử, xử lý môi trường,...

Là một trong những đơn vị sản xuất ô xy già đầu tiên tại Việt Nam, sau 10 năm thành lập với mục đích sản xuất kinh doanh ô xy già và kinh doanh phân bón hóa chất, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là triển khai đầu tư xây dựng Dây chuyền sản xuất ô xy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50% và bắt đầu chạy thử từ cuối năm 2011, đến nay sản phẩm ô xy già của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã dần tạo lập thương hiệu trên thị trường với hệ thống các nhà phân phối đã bắt đầu được hình thành rộng khắp cả nước.

Các sự kiện khác:

Ngày 05/08/2009, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

Ngày 04/12/2017, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 219/2017/GCNCP-VSD với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 8.400.000 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1 . Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa.
 - Sản xuất H_2O_2 .
 - Mua bán H_2O_2 , phân bón phục vụ nông nghiệp và các loại hóa chất khác.
- Kinh doanh vật tư nông nghiệp.
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà Công ty kinh doanh.
 - Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
 - Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.

- Buôn bán máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa.
- Kinh doanh bất động sản.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.
- Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Xây dựng công trình giao thông

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương, Biên Hòa, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Định....

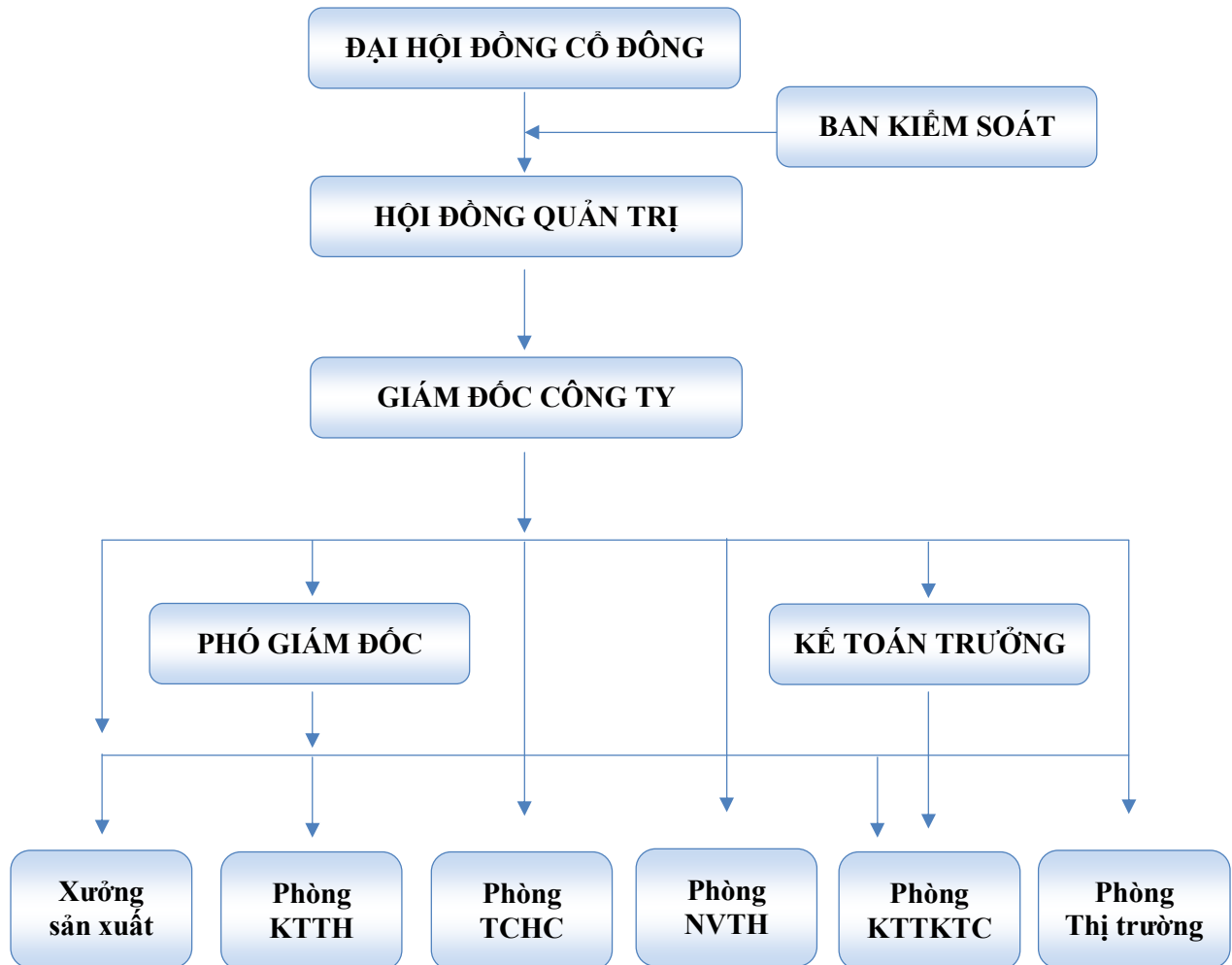
Miền Bắc: Thành Phố Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang, Hải Phòng, Nam Hà, Thái Nguyên....

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc thiết lập cơ cấu tổ chức và quản trị theo mô hình công ty cổ phần, phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh, bao gồm cả cơ chế trao đổi thông tin nội bộ và phân công các cán bộ với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét và cải tiến liên tục hệ thống quản trị Công ty nhằm triển khai có hiệu quả các chính sách nhằm đạt được các mục tiêu đề ra

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

**4.1. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và quyết định các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo, quyết định phương thức hoạt động, vốn điều lệ, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ...

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội

đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

4.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và các quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 90 (chín mươi) ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4.4. Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty

Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc về lĩnh vực công việc được phân công:

- Theo dõi quản lý kỹ thuật, quy trình công nghệ sản xuất của Công ty.
- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, đề xuất các quy trình công nghệ mới, tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh thường kỳ cho Giám đốc.
- Chỉ đạo trực tiếp phòng Kỹ thuật tổng hợp và Xưởng sản xuất H₂O₂.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng là người trực tiếp tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán trong Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các vấn đề liên quan tới công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của Công ty. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

4.5. Các phòng chuyên môn thuộc Công ty và Xưởng sản xuất

Phòng Kỹ thuật tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật trong việc điều hành quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý Kỹ thuật, An toàn và Vệ sinh môi trường.

Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý Kế hoạch, Vật tư và Đầu tư.

Phòng Tổ chức – Hành chính

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý: Tổ chức, quản lý lao động tiền lương và giải quyết các chế độ cho người lao động, Hành chính quản trị, Bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ.

Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các lĩnh vực Kế toán - Thống kê - Tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện những công việc nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng qui định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán.

Phòng Thị trường

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc các vấn đề liên quan đến công tác tiêu thụ và phát triển thị trường, các chuyên môn nghiệp vụ trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường.

Xưởng sản xuất

Chức năng: Xưởng sản xuất H₂O₂ là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có chức năng tiếp nhận nguyên vật liệu, năng lượng, quản lý nhân sự và vận hành thiết bị của dây chuyền để sản xuất sản phẩm H₂O₂ theo kế hoạch đã được Giám đốc công ty phê duyệt.

➤ Danh sách công ty mẹ của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:

Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ cổ phần
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	5.423.000	64,56%

➤ Danh sách công ty con của CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc: Không có

➤ Danh sách những công ty mà CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

➤ Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc: Không có

5. Định hướng phát triển:

➤ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Củng cố hệ thống dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, khai thác tối ưu nguồn lực hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường.

- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

➤ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Hoàn thiện bộ máy tổ chức và hệ thống quản lý; làm chủ thiết bị công nghệ để phát triển trở thành doanh nghiệp có thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực Ôxy già.

➤ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định. Thực hiện chương trình cải tiến thiết bị, công nghệ, hợp lý hoá sản xuất, sử dụng hiệu quả nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nhằm sản xuất sạch hơn.

Mang lại giá trị thặng dư cao nhất cho Cổ đông, tạo lập cuộc sống ấm no cho Cán bộ nhân viên và góp phần làm tăng tổng giá trị thặng dư cho xã hội.

6. Các rủi ro:

Rủi ro đặc thù:

Nguyên liệu chính để sản xuất ô xy già của Công ty là khí thải Hydro (H₂) từ quá trình tổng hợp Amoniac của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, đây là một thế mạnh của Công ty nhưng cũng là một rủi ro đặc thù vì nếu Công ty Cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc ngừng máy sửa chữa hoặc khi xảy ra sự cố trong quá trình sản xuất thì Dây chuyền sản xuất ô xy già của Công ty sẽ phải ngừng hoạt động do không có nguồn khí tinh luyện (H₂) cung cấp cho sản xuất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Tình hình đặc điểm:

a. Thuận lợi

- Thiết bị dây chuyền vận hành tương đối ổn định, đáp ứng phương thức sản xuất của Công ty.
- Đặc biệt Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị và sự hỗ trợ, giúp đỡ của Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.

b. Khó khăn

- Số lần dừng máy, chạy lại máy nhiều lần do gián đoạn nguồn cung khí nguyên liệu hydro, hơi nước, điện đã ảnh hưởng lớn đến năng suất, sản lượng và định mức tiêu hao của dây chuyền sản xuất
- Chi phí lãi vay vốn đầu tư còn nhiều; giá nguyên liệu đầu vào cao; và chi phí phân bổ sửa chữa lớn những năm trước đó là những yếu tố làm tăng chi phí trong sản xuất kinh doanh của công ty.
- Năm 2021 là năm thứ 2 công ty phải đối mặt với những khó khăn, thách thức chưa từng có do đại dịch Covid-19 gây ra làm nhu cầu tiêu dùng hàng hóa toàn thế giới giảm, một số ngành nghề sử dụng Ôxy già vẫn còn giảm năng lực sản xuất nên công tác tiêu thụ sản phẩm của Công ty gặp nhiều khó khăn, bên cạnh đó giá Ôxy già nhập khẩu vào thị trường Việt Nam tiếp tục giảm.

2. Tổ chức và nhân sự:

- **Danh sách Ban điều hành và cán bộ quản lý:**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Hoàng Hưng	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
Bà Thân Thị Hà	Trưởng phòng Phòng Kế toán thống kê tài chính
Ông Lê Thanh Hiếu	Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp
Ông Hoàng Văn Hùng	Giám đốc Xưởng sản xuất
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Trưởng phòng- Phòng Thị Trường
Bà Nguyễn Thu Hằng	Phụ trách phòng- Phòng Tổ chức Hành chính

Từ T2/2001 đến T9/2010	Trưởng ca Công ty Phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH một thành viên Phê Đạm và Hóa Chất Hà Bắc.
Từ 05/2010 đến 10/2014	Bí thư chi bộ phòng Điều độ sản xuất, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
Từ T10/2010 đến T10/2014	Phó trưởng phòng, Phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH một thành viên Phê Đạm và Hóa Chất Hà Bắc.
Từ T10/2014 đến T2/2016	Phó giám đốc, Phụ trách Xưởng Amôniac 2, Công ty TNHH một thành viên Phê Đạm và Hóa Chất Hà Bắc.
Từ T10/2014 đến T2/2016	Bí thư chi bộ Xưởng Amôniac 2, Công ty TNHH một thành viên Phê Đạm và Hóa Chất Hà Bắc
Từ T6/2016 đến nay	Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 15/2/2016 đến 17/3/2016	Phó giám đốc Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.
Từ 18/3/2016 đến nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.
Từ T4/2016 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.
Từ T05/2016 đến nay	Bí thư chi bộ Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

Chức vụ tại công ty

Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty

Chức vụ tại tổ chức khác

Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ

1.139.40 cổ phần

-Đại diện sở hữu 1.139.040 cổ phần, chiếm 13,56% vốn điều lệ.
Trong đó:

+ CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc 1.139.40 cổ phần, chiếm 13,56% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan

Hành vi vi phạm pháp luật Không có

Những khoản nợ đối với Công ty Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Không có

(2) Nguyễn Thế Hùng – Phó Giám đốc

Họ và tên **Nguyễn Thế Hùng**

Giới tính Nam

Ngày tháng năm sinh 10/4/1968

Nơi sinh Huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

CMND/ Hộ chiếu 121559947

Ngày cấp/Ngày hết hạn 21/6/2002

Nơi cấp CA Bắc Giang

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú Số nhà 68 đường Cô Giang, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
năm 1991 đến năm 1995	Kỹ thuật viên tại Nhà máy cơ khí, xí nghiệp liên hợp phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
năm 1995 đến năm 2000	Quản đốc phân xưởng Giấy đế thuộc Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Tổng hợp II thuộc Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
năm 2000 đến năm 2004	Giám đốc Xí nghiệp Giấy đế thuộc Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
năm 2004 đến năm 2005	Giám đốc Công ty Cổ phần Hòa Bình
năm 2005 đến năm 2010	Chuyên viên phòng Đầu tư Xây dựng thuộc Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm Và Hóa chất Hà Bắc
năm 2010 đến nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty

Phó Giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác

Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ

4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu

0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu

4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan

0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật

Không có

Những khoản nợ đối với Công ty

Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty

Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty

Không có

(3) Bà Thân Thị Hà – Kế toán trưởng

Họ và tên	Thân Thị Hà
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	05/02/1984
Nơi sinh	Xóm Chiền - Xã Nội Hoàng - Huyện Yên Dũng – Tỉnh Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu	121516592
Ngày cấp/Ngày hết hạn	30/06/2015
Nơi cấp	CA.Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 73-QL1A- Xã Tân Mỹ -Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
T5/2009 đến T8/2016	Kế toán viên Phòng Kế toán thống kê tài chính, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
T9/2016 –T8/2018	Phó trưởng phòng, phụ trách Phòng Kế toán thống kê tài chính, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
T8/2018-T4/2021	Trưởng phòng Phòng Kế toán thống kê tài chính, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
T4/2021-Nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty

Kế toán trưởng

Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

4) Ông Lê Thanh Hiếu - Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp:

Họ và tên	Lê Thanh Hiếu
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/8/1961
Nơi sinh	Lâm Thao, Phú Thọ
CMND/ Hộ chiếu	120015814
Ngày cấp/Ngày hết hạn	17/5/2005
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 37 khu phố Hà Vị 1, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế kỹ thuật
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ năm 1982 - 1986	Bộ đội thuộc E51 – Quân khu I

Từ năm 1986 - 1993	Công nhân cơ khí, nhà máy cơ khí hóa chất Hà Bắc
Từ năm 1993 - 2008	Chuyên viên Kế hoạch tại phòng kế hoạch Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ năm 2008 đến nay	Trưởng phòng Nghiệp vụ Tổng hợp Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

Chức vụ tại công ty	Trưởng phòng NVTH
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(5). Ông Nguyễn Văn Tuấn - Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp:

Họ và tên	Nguyễn Văn Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/9/1971
Nơi sinh	Xã Hồng Thái, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
CMND/ Hộ chiếu	122029516
Ngày cấp/Ngày hết hạn	12/12/2008

Nơi cấp CA Bắc Giang

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú K41 - Công viên Hoàng Hoa Thám, Bắc Giang

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1992 - 1993	Công nhân Xưởng Tạo khí, Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 1993 - 1996	Học tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội
Từ 1996 - 2007	Trưởng ca Công ty, Phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2007 - 2008	Kỹ thuật viên, Phòng kỹ thuật Công nghệ, Công ty TNHH 1TV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2008 - 2010	Kỹ thuật viên, Phòng Kỹ thuật tổng hợp, Công ty cổ phần Hóa Chất Hưng phát Hà Bắc
Từ 2010 - nay	Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật tổng hợp, Công ty cổ phần Hóa Chất Hưng phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty Trưởng phòng KTTH

Chức vụ tại tổ chức khác Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ 700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu 700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật Không có

Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(6). Ông Hoàng Văn Hùng - Giám đốc Xưởng sản xuất:

Họ và tên	Hoàng Văn Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	09/3/1967
Nơi sinh	Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, T. Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu	120926352
Ngày cấp/Ngày hết hạn	3/11/2005
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 125- Đường 398- Tân Mỹ - TP Bắc Giang – T.Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công nghệ hóa học
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1991 – 1/1998	Trưởng ca Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)
Từ 1/1998 – 8/1998	Phó quản đốc Xưởng giấy, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)

Từ 8/1998 - 2005	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh, Công ty Xăng dầu khu vực 1
Từ 2005 - 2010	Chuyên viên Phòng KTCN, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2010 - Nay	Giám đốc xưởng sản xuất, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty	Giám đốc xưởng SX
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(7). Ông Nguyễn Quang Tuấn – Trưởng phòng, Phòng Thị Trường:

Họ và tên	Nguyễn Quang Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/02/1963
Nơi sinh	TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu	120014249
Ngày cấp/Ngày hết hạn	22/11/2005

Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 235, Đường Nguyễn Thị Lưu 2, Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1981 – 1986	Công nhân xưởng Nhiệt, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 1986 – 1993	Công nhân xưởng sản xuất tổng hợp, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 1993 - 2008	Nhân viên phòng Thị trường, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2008 – 7/2010	Nhân viên Phòng NVTH, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 7/2010 – 3/2013	Phó phòng, Phòng NVTH, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 3/2013 – T3/2020	Phó phòng, Phụ trách phòng thị trường, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ T3/2020- Nay	Trưởng phòng Phòng thị trường, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty	Trưởng phòng Phòng thị trường
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	5.680 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,068% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
	5.680 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,068% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu	lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

(8). Bà Nguyễn Thu Hằng – Phụ trách phòng- Phòng Tổ chức hành chính:

Họ và tên	Nguyễn Thu Hằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	29/11/1989
Nơi sinh	TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu	121844183
Ngày cấp/Ngày hết hạn	03/11/2005
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 146- Đường Quách Nhân – Phường Xương Giang- TP Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngoại ngữ
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 2013 – T10/2020	Nhân viên phòng Tổ chức hành chính, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ T11/2020- đến nay	Phụ trách phòng - phòng Tổ chức hành chính, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty	Trưởng phòng Phòng thị trường
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có

➤ **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Ông Lê Thanh Hiếu về nghỉ chế độ bắt đầu từ ngày 01/12/2021; Ông Nguyễn Thế Hùng- PGĐ Công ty kiêm nhiệm TP Phòng KTTH từ ngày 15/12/2021 theo QĐ số 326/QĐ-HĐQT ký ngày 15/12/2021; Ông Nguyễn Văn Tuân nhận trưởng phòng TC&NV theo QĐ số 325/QĐ-HPCO ký ngày 15/12/2021. Sát nhập hai phòng Phòng TCHC và phòng NVTH thành phòng PTC&NV theo phương án 316/PA-HPCO ngày 26/11/2021 và Quyết định số 318/QĐ-HĐQT ngày 15/12/2021.

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Số lượng người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2021 là 54 người.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống,... Các Tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và tổ chức Đoàn thanh niên của Công ty cũng luôn được quan tâm xây dựng và không ngừng phát triển.

Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho 100% cán bộ công nhân viên có hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên.

Hàng năm Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được vừa làm vừa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC đã phát hành các Báo cáo kiểm toán quyết toán Dự án hoàn thành. Ngày 24/12/2014, HĐQT đã phê duyệt quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50%.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm năm 2021 so với 2020
1. Tổng tài sản (cuối kỳ)	145.956.704.566	129.357.040.349	-11,37%
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.255.739.039	66.185.968.817	-10,87%
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.863.946.384	-3.727.641.463	-299,99%
4. Lợi nhuận khác	326.400	27.505.963	8.327,07%
5. Lợi nhuận trước thuế	1.864.272.784	-3.700.135.500	-298,48%
6. Lợi nhuận sau thuế	1.588.154.594	-3.700.135.500	-332,98%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2020	2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,93	2,62
-Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	2,92	1,93

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2020	2021
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,31	0,26
-Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,46	0,35
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	8,82	9,76
-Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,51	0,51
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,02	-0,06
-Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	0,02	-0,04
-Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,011	-0,029
-Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	0,03	-0,06

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.400.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông:

➤ Cơ cấu cổ đông của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2021):

TT	Danh mục	1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
----	----------	------------	-----------

A	Tổng vốn chủ sở hữu:	84.000.000	100
1	- Cổ đông sáng lập:	69.828.000	83,13
2	- Cổ đông lớn (*):	69.828.000	83,13
3	- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	13.172.000	15,68
4	- Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	1.000.000	1,19
		84.000.000	100
B	Trong đó:	54.230.000	64,56
1	- Nhà nước:		
2	- Người nước ngoài:	900	0,01
3	- Người Việt Nam khác (không gồm Nhà nước):	29.769.100	35,43

➤ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2021):**

TT	Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	5.423.000	64,56%
	CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, TT Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội	0101328911	999.800	11,90%
	CTCP Tập đoàn Tân Long	Tầng 14-Tòa nhà Diamond Flower- Số 48-Đường Lê Văn Khương-KĐT mới N2- Nhân Chính - Thanh xuân - HN	0102014919	560.000	6,67%

➤ **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:**

TT	Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
	CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	2.856.000	51,00%
	CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, TT Đông Anh, Huyện Đông Anh, HN	0101328911	560.000	10,00%
	CTCP Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Phòng 810 Nhà 18T2, chung cư Trung Hòa, Nhân Chính, P.Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	0102014919	560.000	10,00%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có**III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:****1.1. Kết quả thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh****a. Kết quả sản xuất kinh doanh:**

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2021	Thực hiện năm 2021	So với (%)
					KH năm
*	Thời gian sản xuất	Ngày	282	279	99,0
I	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	9.450	8.602,5	91,5
1.1	Ôxy già 50%	tấn	7.901	7.100,4	91,5
1.2	Ôxy già 35%	tấn	1.200	1.497,2	124,8
1.3	Ôxy già 27,5%	tấn	100	61,3	61,3
1.4	Ôxy già 25%	tấn	1.200	840,8	70,1
II	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)		9.400	8.883,9	94,5
2.1	Ôxy già 50%	tấn	7.900	7.400,3	93,70
2.2	Ôxy già 35%	tấn	1.200	1.494,3	124,5
2.3	Ôxy già 27,5%	tấn	100	31,5	31,5
2.6	Ôxy già 25%	tấn	1.200	840,8	70,1
II	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	67.680.000	61.937.856	91,5
III	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	2.684.083	2.425.652	90,4
IV	Giá trị sửa chữa lớn	1000 đ	10.403.111	7.870.727	75,65
	<i>Phân bổ vào giá thành SP</i>		<i>6.375.512</i>	<i>5.180.526</i>	<i>91,3</i>
V	Lao động tiền lương				
1	Tổng số lao động BQ năm	người	68	57	83,8
1.1	Cán bộ quản lý	người	3	3	100,0
1.2	Người lao động	người	65	54	83,1
2	Tổng quỹ lương theo đơn giá	1000 đ	5.724.401	5.101.062	89,11
3	Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	7.338.976	7.872.010	107,3
VI	Doanh thu bán hàng H2O2	1000 đ	74.180.000	66.075.939	89,1
VII	Lợi nhuận trước thuế	1000 đ	310.715	(3.700.150)	-

b. Công tác điều hành sản xuất, quản lý công nghệ - định mức tiêu hao, thiết bị, chất lượng sản phẩm:

➤ Công tác điều hành sản xuất: Quản lý chặt chẽ việc khống chế các điều kiện công nghệ, bổ sung hóa chất, đảm bảo sản xuất an toàn, giữ vệ sinh môi trường.

Thời gian sản xuất phụ thuộc vào việc được cung cấp nguyên liệu: điện, khí H₂, hơi nước nên luôn bị động trong việc ngừng - chạy máy; số lần ngừng - chạy nhiều đã ảnh hưởng tới định mức tiêu hao và năng suất của dây chuyền, không chủ động được thời gian bảo dưỡng thiết bị, bổ sung xúc tác cũng như cân đối lượng tồn kho khi tiêu thụ sản phẩm:

- Thời gian chạy máy là 279 ngày (giảm 26 ngày so với năm 2020).
- Thời gian ngừng máy 86 ngày (bằng 23,5% quỹ thời gian trong một năm).
- Số lần phải ngừng máy là 29 lần(tăng 6 lần so với năm 2020) trong đó: Do không có Điện, khí H₂ , hơi nước là 25 lần(tăng 5 lần so với năm 2020 với tổng thời gian phải ngừng máy là 67 ngày tăng 11,0 ngày so với năm 2020); có 04 lần ngừng máy của công ty do(không bán được hàng nên đầy kho chứa, bổ sung thêm xúc tác và máy nén khí tự ngừng với tổng thời gian phải ngừng máy là 19 ngày). Số ngày ngừng máy nhiều và số lần phải ngừng - chạy lại máy nhiều là những yếu tố làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

➤ Công tác quản lý công nghệ: Công nghệ sản xuất được duy trì ổn định; Quản lý chặt chẽ việc bổ sung hóa chất; Chất lượng dịch công tác được nâng cao thường xuyên duy trì hàm lượng [EAQ] hữu hiệu trong dịch công tác > 130 g/lít, từ quý 3 xúc tác bước vào giai đoạn cuối chu kỳ sản xuất nên hoạt tính của xúc tác có giảm.

➤ Công tác quản lý định mức tiêu hao: Định mức tiêu hao thực hiện đều bằng và thấp hơn kế hoạch, chủ động điều chỉnh tỷ lệ thành phần dịch công tác theo yêu cầu thực tế sản xuất; riêng định mức tiêu hao Điện cao hơn kế hoạch giao: do số lần ngừng- chạy máy nhiều và không bán được sản phẩm nồng độ loãng.

➤ Công tác quản lý thiết bị: Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị, động cơ đáp ứng yêu cầu sản xuất như: thay dầu máy băng M3401B, trung tu

máy nén khí AtlasCopco, bảo dưỡng máy tua bin giãn nở, thay túi lọc các bộ lọc, thay dầu máy nén khí ly tâm, bảo dưỡng các động cơ điện, hiệu chỉnh các van và định vị van điều tiết, sơn phòng mục đường ống, lan can... Công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị được thực hiện vào các đợt ngừng máy đảm bảo tiến độ, chất lượng, còn tồn tại máy nén khí Samsung phát sinh lỗi không mang tải (tự đóng van cửa vào) Công ty đã mời chuyên gia(Hàn Quốc) của hãng đến kiểm tra sửa chữa nhưng đến nay họ vẫn chưa tìm ra được nguyên nhân để sửa chữa triệt để.

➤ Công tác sửa chữa lớn theo kế hoạch năm: Do dịch Covid-19 bùng phát dẫn tới khó khăn trong giao dịch và xuất nhập cảnh của Chuyên gia nên công ty chỉ thực hiện được việc mua bổ sung 01 tấn xúc tác Paladi, tháng 4 bắt đầu triển khai thực hiện trình tự thủ tục mua, đến ngày 22/6 đăng thông báo mua bổ sung 01 tấn xúc tác Paladi bằng hình thức đấu thầu rộng rãi trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đến ngày 02/8 chỉ có một hồ sơ dự thầu nên công ty gia hạn kéo dài thêm thời gian đóng thầu đến ngày 12/8, đến ngày 15/9 ký hợp đồng mua xúc tác, đến ngày 13/11 xúc tác về đến công ty tiến hành nạp xúc tác đưa vào sản xuất, hiện tại các chỉ tiêu công nghệ của xúc tác đáp ứng yêu cầu sản xuất cao tải. Các hạng mục đại tu máy nén khí Samsung, bảo dưỡng máy Turbin dẫn nở khí cuối chưa thực hiện được.

➤ Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Sản phẩm luôn đạt chất lượng theo tiêu chuẩn đã công bố, đáp ứng chất lượng cho các ngành sản xuất giấy, dệt may, xử lý môi trường và đã có đơn vị sử dụng trong ngành điện tử, chất lượng sản phẩm của Công ty đã tạo được niềm tin với người sử dụng.

c. Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm: đầu năm duy trì sản phẩm tồn kho ở mức thấp cân bằng giữa sản xuất và tiêu thụ, từ tháng 3 sản phẩm bán ra khó khăn dần do dịch Covid-19 làm nhu cầu tiêu dùng hàng hóa toàn thế giới giảm mạnh, một số ngành nghề phải giảm năng lực hoặc ngừng sản xuất như: dệt may, giấy, điện tử, thuộc da, tuyền quặng, thủy sản...dẫn tới nhu cầu sử dụng Ôxy già trong nước giảm, lượng “cung” dư thừa, giá Ôxy già nhập khẩu thấp(có lô giá nhập khẩu chỉ còn 305USD/tấn); Công ty nằm trong vùng tâm dịch Covid-19 phải thực hiện chỉ thị 16/CT-TTg hoặc 15/CT-TTg nên khó khăn trong vận chuyển, lưu thông hàng hóa, một số khách hàng như công ty Formosa Hà Tĩnh đã dừng nhận sản phẩm của công ty để sản xuất do có yếu tố dịch tễ; từ tháng 8 toàn bộ khách hàng ở thị trường Miền Nam không mua sản phẩm của công ty do

các Tỉnh, Thành phố khu vực Miền Nam phải thực hiện các biện pháp phong tỏa cách ly, giãn cách xã hội để phòng chống dịch, chốt chặn kiểm soát dịch được dựng lên khắp các cung đường với việc cấp giấy đi đường, cho phép lưu thông, vận chuyển hàng hóa thiếu thống nhất giữa các địa phương làm đứt gãy chuỗi cung ứng khiến nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động gây ra khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm dẫn tới công ty phải ngừng máy 06 ngày do đầy kho chứa.

Sản lượng tiêu thụ đạt 8.883,9 tấn Ôxy già quy nồng độ 50% bằng 94,5 % so với kế hoạch năm (bằng 90,1% so với năm 2020), trong đó sản lượng tiêu thụ tại thị trường Miền Bắc(quy về nồng độ 50%) là 7.025 tấn chiếm 79,1% còn lại 1.859 tấn chiếm 20,9% phải bán thị trường Miền Nam. Giá bán bình quân năm chỉ đạt 7.450đ/kg bằng 94,5% so với kế hoạch năm (bằng 99,08% so với năm 2020) không đạt kỳ vọng của kế hoạch năm. Đặc biệt sản phẩm loãng loại nồng độ 27,5% và 30% không tiêu thụ được vì khách hàng không sử dụng do chi phí vận chuyển và kho chứa tăng cao.

d. Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

Việc bố trí lao động đáp ứng sản xuất gặp khó khăn do thiếu lao động, nhiều cương vị phải làm việc ở chế độ 3 ca 3 kíp, phải làm thêm giờ điền khuyết các cương vị thiếu người, trong năm có 07 lao động xin chấm dứt hợp đồng và 01 lao động nghỉ chế độ hưu trí (ở đây cũng có trường hợp không phải do thu nhập mà do người lao động muốn chuyển đổi công việc khác); có thời điểm một số lao động cư trú trong khu vực bị phong tỏa cách ly do dịch Covid- 19 nên không đi làm được; đặc biệt có 02 lao động đều là Trưởng ca sản xuất vi phạm pháp luật do đánh bạc qua mạng Internet bị bắt tạm giam từ tháng 2 đến tháng 8, dẫn tới công ty càng thiếu lao động cho sản xuất; tháng 9 công ty tuyển được 03 lao động vào đào tạo, tính đến ngày 31/12/2021 tổng số lao động giảm 05 người so với đầu năm 2021. Triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 về “ Đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp; sắp xếp tổ chức bộ máy và cán bộ theo hướng tinh gọn, hiệu quả...”. Tháng 12, Hội đồng quản trị công ty quyết định hợp nhất phòng Tổ chức hành chính với phòng Nghiệp vụ tổng hợp thành phòng Tổ chức và Nghiệp vụ; Tiền lương bình quân của người lao động đạt 8,54 triệu đồng/người/tháng (tính cả làm thêm giờ khi chưa tuyển đủ lao động định biên).Việc tuyển dụng lao động rất khó khăn, công ty đã hạ tiêu chuẩn tuyển dụng và xây dựng phương án tuyển

dụng để đào tạo tại chỗ tuy nhiên vẫn chưa tuyển đủ lao động tối thiểu bù vào những người xin thôi hợp đồng. Quỹ lương của người lao động đạt 5,53 tỷ đồng (bằng 96,9% so với năm 2020);

e. Công tác kế hoạch, quản lý cung ứng vật tư, quản lý giá bán sản phẩm và tài chính

➤ Công tác kế hoạch: xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm và được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt thông qua tại Đại Hội đồng cổ đông; căn cứ kế hoạch năm xây dựng kế hoạch tháng, quý sát với thực tế từng thời điểm để triển khai thực hiện.

➤ Công tác quản lý vật tư: Vật tư tồn kho thực hiện theo đúng quy định tối đa, tối thiểu đáp ứng sản xuất; việc quản lý giá vật tư được thực hiện tốt, đúng quy chế mua vật tư của Công ty; việc cấp phát vật tư cho sản xuất thực hiện theo đúng quy định cấp phát vật tư; vật tư đã qua sử dụng được thu hồi phân loại, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng được bán để thu hồi vốn, năm 2022 đã bán thu hồi được 110,1 triệu đồng.

➤ Công tác quản lý giá bán sản phẩm: Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình nhập khẩu Ôxy già giúp cho hội đồng giá Công ty xác định được giá bán hợp lý, năm 2022 hội đồng giá họp 4 lần để điều chỉnh giá bán sản phẩm và cơ chế bán hàng cho phù hợp với từng thời điểm và từng khách hàng. Xây dựng chính sách giá bán sản phẩm nồng độ loãng 25%; 35% để bán hàng và cạnh tranh với các nhà nhập khẩu.

➤ Công tác quản lý tài chính: Công ty không có các khoản nợ phải thu khó đòi và nợ phải trả quá hạn; thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ nộp thuế, nộp ngân sách nhà nước. Linh hoạt cân đối dòng tiền ưu tiên trả gốc vay vốn đầu tư cho các ngân hàng; duy trì ổn định dòng tiền đáp ứng cho sản xuất kinh doanh mà không phải vay vốn lưu động. Phối hợp cùng Công ty Mẹ thực hiện bán gần hết số cổ phần đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

➤

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2021	31/12/2021	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	145.957	129.357	-16.600	-28,01%
- Tài sản ngắn hạn	33.533	27.202	-6.331	-18,88%
- Tài sản dài hạn	112.424	102.155	-10.269	-9,13%
Nguồn vốn	145.957	129.357	-16.600	-31,02%
- Nợ phải trả	45.685	33.544	-12.141	-26,58%
- Vốn chủ sở hữu	100.272	95.813	-4.459	-4,45%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty áp dụng hệ thống quản lý đơn giản hóa về các thủ tục hành chính cho nội bộ Công ty cũng như khách hàng, công việc được thực hiện bằng các quy định cụ thể. Đồng thời, Công ty cũng đã thực hiện kiện toàn quy định, quy chế làm việc, củng cố đội ngũ cán bộ, nhân viên, đầu tư trang thiết bị làm việc để nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc.

Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chế độ chính sách chăm lo đời sống cho cán bộ, nhân viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:

- Khai thác tối đa năng lực sản xuất của dây chuyền, chỉ đạo điều hành sản xuất linh hoạt, tận dụng hết quỹ thời gian khi có đủ nguyên liệu đầu vào để duy trì sản xuất đạt sản lượng cao nhất.

- Quản lý chặt chẽ chất lượng dịch công tác; bổ sung hóa chất đảm bảo yêu cầu thành phần, chất lượng dịch công tác theo tư vấn của Nhà sản xuất cung cấp xúc tác, nhằm đạt sản lượng cao nhất, chất lượng sản phẩm tốt nhất. Cấp phát vật tư cho sản xuất thực hiện đúng theo quy định cấp phát vật tư của Công ty.

- Tập trung triển khai lập phương án và lên kế hoạch mua vật tư, đặc biệt chú trọng đến việc cân đối nguồn vốn để triển khai mua 02 tấn xúc tác Paladi và vật tư phục vụ đại tu máy nén khí Samsung kết hợp vào các đợt ngừng máy sửa chữa theo kế hoạch của Công ty Đạm để triển khai thực hiện.

- Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị theo kế hoạch, không để xảy ra sự cố do chủ quan; rà soát lập nhu cầu vật tư dự phòng đặc biệt là vật tư dự phòng thay thế cho các thiết bị động, đơn chiếc phải mua chính hãng hoặc mua ở nước ngoài.

4.2 Công tác tiêu thụ:

- Bám sát diễn biến thị trường để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm tại miền Bắc và sản phẩm nông độ loãng; cập nhật thường xuyên thông tin giá nhập khẩu để linh hoạt điều chỉnh giá bán với từng nhà phân phối nhằm tiêu thụ hết sản phẩm.

- Ưu tiên phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm loãng; Tiếp tục tìm kiếm các đơn vị có nhu cầu sử dụng Ôxy già tại khu vực Miền Bắc để bán hàng; Phấn đấu tiêu thụ hết sản phẩm ở thị trường Miền Bắc.

- Duy trì việc cập nhật thông tin nhập khẩu Ôxy già để có chính sách giá bán linh hoạt, phù hợp với giá thị trường.

4.3 Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính

- Cập nhật diễn biến giá cả vật tư, chế độ chính sách của Nhà nước, thực hiện quản lý tốt quy định tồn kho tối đa tối thiểu đảm bảo vật tư cho sản xuất, kiểm soát giá mua vật tư theo đúng Quy chế mua vật tư.

- Tiếp tục cân đối dòng tiền đảm bảo cho sản xuất, sửa chữa lớn và trả nợ gốc vay đầu tư nhà máy theo kế hoạch.

4.4 Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo.

- Tuyển bổ sung công nhân vận hành hóa, vận hành điện có chất lượng đúng ngành nghề đào tạo để đảm bảo số lao động cần thiết cho sản xuất. Tiếp tục chương trình đào tạo để một người có thể vận hành thành thạo được hai cương vị sản xuất khác nhau nhằm điền khuyết khi có người nghỉ.

- Phấn đấu đảm bảo ổn định thu nhập và đời sống cho người lao động để họ yên tâm công tác. Trong trường hợp thời gian ngừng máy do không đủ nguyên liệu đầu vào để sản xuất sẽ bố trí cho người lao động nghỉ chế độ như nghỉ bù, nghỉ phép và cuối cùng là nghỉ chờ việc.

- Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động và nội quy của Công ty, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

4.5 Công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh môi trường: Tiếp tục quan tâm cải thiện môi trường nhà xưởng, cương vị làm việc; hàng quý, triển khai đo quan trắc môi trường, ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại và rác thải sinh hoạt, triển khai tập huấn công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, cấp phát bảo hộ lao động, trang bị an toàn cho người lao động theo đúng quy định.

Năm 2022, Tập thể người lao động trong Công ty tiếp tục phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất - kinh doanh do Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty giao; Tiếp tục phấn đấu sản xuất kinh doanh an toàn - ổn định với năng suất, chất lượng cao nhằm mục tiêu thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi vay đầu tư, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có giải trình vì không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

1.1 Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:

- Quản lý chặt chẽ việc khống chế các điều kiện công nghệ, bổ sung hóa chất, đảm bảo sản xuất an toàn, giữ vệ sinh môi trường.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị, động cơ đáp ứng yêu cầu sản xuất; Công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị được thực hiện vào các đợt ngừng máy đảm bảo tiến độ, chất lượng.

- Tiếp tục công tác phối hợp điều hành sản xuất với Đạm Hà Bắc để đảm bảo việc cung cấp nguyên liệu đầu vào đúng tiêu chuẩn chất lượng và ổn định theo hợp đồng đã ký.

1.2. Công tác thị trường:

- Do ảnh hưởng của Dịch covid-19 khiến cho việc tiêu thụ sản phẩm oxy già gặp khó khăn, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã luôn giám sát, chỉ đạo sát sao việc tiêu thụ sản phẩm, tiếp tục cơ cấu thị trường tiêu thụ sản phẩm theo hướng cân đối sản phẩm tiêu thụ tại thị trường Miền Bắc và thị trường Miền Nam. Tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm loãng (có hiệu quả hơn so với sản phẩm đặc).

- Chủ động kiểm soát thị trường, điều chỉnh giá bán sản phẩm linh hoạt không để tiêu thụ sản phẩm ảnh hưởng đến phải ngừng máy, giá bán phải bảo đảm cạnh tranh và cao hơn phí biến đổi.

1.3. Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính:

- Tiết giảm các chi phí: kiểm soát chặt chẽ giá vật tư đầu vào; tạm dừng các khoản đầu tư chưa cần thiết;

- Do khó khăn về tài chính căn cứ tình hình thực tế một số hạng mục sửa chữa lớn theo kế hoạch có thể lùi thời gian hoặc lùi sang kế hoạch năm sau.

- Tích cực làm việc với các ngân hàng để có được các chính sách hỗ trợ về tài chính.

1.4. Công tác Tổ chức, lao động tiền lương:

- rà soát lại hệ thống quy chế nội bộ, bổ sung sửa đổi cho phù hợp.

- Đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid-19 trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, yêu cầu cân đối bố trí lao động hợp lý, đảm bảo thu nhập cho người lao động, duy trì sản xuất ổn định, đạt hiệu quả cao.

- Chỉ đạo Công ty xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ luật pháp và có hiệu quả nhất đối với Công ty và quyền lợi của các cổ đông.

2. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban điều hành.

- HĐQT, Giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành luôn tuân thủ nghiêm túc Điều lệ Công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty. Giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo HĐQT Công ty.

- HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, nếu thấy cần thiết HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty.

- HĐQT đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động SXKD, báo cáo thường kỳ các hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ. HĐQT đã đề nghị Giám đốc Công ty báo cáo bổ sung một số vấn đề mà cổ đông quan tâm, minh bạch hóa các quan hệ có ảnh hưởng đến lợi ích của Cổ đông.

- HĐQT tổ chức Đại hội cổ đông thường niên, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung: báo cáo thực hiện hoạt động SX-KD, phương hướng nhiệm vụ, báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.

- Năm 2021, kiểm điểm các công tác thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên, HĐQT đã nhất trí đánh giá các thành viên hoàn thành nhiệm

vụ được giao. Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan, không vụ lợi, vì lợi ích của Công ty, thực hiện đúng theo các nội quy, quy chế hoạt động của Công ty quy định.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc:

Bên cạnh công tác quản lý, chỉ đạo, hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng được tăng cường, đảm bảo cho hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, triển khai đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chòng chéo đến công tác điều hành của Giám đốc Công ty. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị như sau:

3.1. Đối với Ban giám đốc Công ty:

Năm 2021, công tác điều hành của Ban giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết phấn đấu vượt qua khó khăn để đạt được kết quả cao nhất, cụ thể:

- Ban giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, thị trường hợp lý, từng bước vượt khó khăn thách thức do ảnh hưởng của dịch Covid-19, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn.

- Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban giám đốc thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.

- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.

- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

3.2. Đối với cán bộ quản lý các phòng, đơn vị trực thuộc:

- Lãnh đạo các phòng ban trong công ty, xưởng sản xuất đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; các nhiệm vụ do Giám đốc Công ty triển khai đều được các phòng ban trong công ty, xưởng sản xuất thực hiện tốt.

- Tập thể người lao động trong Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid-19, nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào kết quả chung của Công ty.

3. Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo Công ty khai thác tối đa năng lực thiết bị dây chuyền vận hành đảm bảo các thông số kỹ thuật, đúng chất lượng; tận dụng hết khả năng quỹ thời gian chạy máy.

- Chỉ đạo điều hành SX-KD cân đối sản lượng sản xuất và sản lượng hàng bán ra thị trường đảm bảo thực hiện phương án có hiệu quả nhất và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra với các nhiệm vụ chính:

- Sản xuất ổn định, an toàn và hiệu quả.
- Tiếp tục giảm các định mức tiêu hao, giảm giá thành sản xuất.
- Chiếm lĩnh, chủ động thị trường H₂O₂ Miền Bắc cân đối hợp lý sản phẩm cho thị trường Miền Nam.
- Tăng tỷ trọng sản phẩm loãn trong cơ cấu sản phẩm trên tổng sản phẩm quy đổi theo hướng có hiệu quả kinh tế cao.
- Chủ động và linh hoạt điều chỉnh giá bán sản phẩm căn cứ theo sát nhu cầu thị trường trong từng thời điểm.

- Tiếp tục kiện toàn quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý trên các mặt hoạt động của Công ty để tăng cường công tác quản lý, giảm chi phí đặc biệt là vật tư đầu vào cho sản xuất;

- Kiểm soát việc thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính Công ty.

- Phê duyệt và giao Kế hoạch SX-KD, định mức tiêu hao nguyên vật liệu chủ yếu và định biên lao động theo sát với khả năng điều kiện thực tế.

- Nâng dần tiền lương của người lao động theo mặt bằng chung của khu vực trong các năm tiếp theo nhằm đảm bảo đời sống và giữ được người lao động tiếp tục làm việc tại Công ty.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: HĐQT gồm 5 người trong đó có 4 thành viên không điều hành. Không có thành viên HĐQT độc lập.

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân nắm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Chu Anh Dũng Chủ tịch HĐQT		2.520.000	2.520.000	30,00
2	Đoàn Như Thương Thành viên HĐQT		1.764.000	1.764.000	21,00
3	Phạm Hoàng Hưng Thành viên HĐQT		1.139.000	1.139.000	13,56
4	Nguyễn Thị Thanh Vân Thành viên HĐQT		560.000	560.000	6,667
5	Nguyễn Minh Toàn Thành viên HĐQT		999.800	999.800	11,902
	Tổng cộng		6.982.800	6.982.800	83,129

Ông **Đoàn Như Thương** thay ông **Nguyễn Tống Luận** là thành viên HĐQT từ ngày 23/04/2021 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 110/NQĐHĐCĐ-HPCO ngày 23/4/2021.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:
Các thành viên HĐQT không điều hành đã làm đúng chức năng của mình.

1.3. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.4. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân năm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thu Nga Trưởng ban kiểm soát	151		151	0,002
2	Lê Thanh Hiếu Thành viên Ban kiểm soát	3.500	0	3.500	0,042
3	Bùi Anh Tuấn Thành viên Ban kiểm soát	0	0	0	0
	Tổng cộng	3.500	0	3.500	0,042

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Xem phụ lục đính kèm (Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát)

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Chủ tịch HĐQT thù lao là: 3.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT thù lao là: 2.000.000 đồng/tháng
- Trưởng ban kiểm soát thù lao là: 2000.000 đồng/tháng
- Thư ký HĐQT thù lao là: 800.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS thù lao là: 1.500.000 đồng/tháng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng theo thông tư số Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính.

VI. Báo cáo tài chính:

Xem phụ lục: Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Nơi nhận:

- UBCKNN; SGDCKHN;
- Lưu: P.KTTKTC.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Phạm Hoàng Hưng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT
HÀ BẮC**

www.msc

MỤC LỤC
----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 25

C
K
V
A

MỤC LỤC
----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 25

C
K
V
A

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HUNG PHÁT HÀ BẮC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập:

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 3 năm 2016.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Sản xuất và buôn bán hóa chất H₂O₂

Tên tiếng anh: HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: HPCO

Mã chứng khoán: HPH (UpCom)

Trụ sở chính: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Chu Anh Dũng	Chủ tịch
Ông	Đoàn Như Thương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 23/4/2021)
Ông	Phạm Hoàng Hưng	Ủy viên
Ông	Nguyễn Minh Toàn	Ủy viên
Bà	Nguyễn Thị Thanh Vân	Ủy viên
Ông	Nguyễn Tổng Luận	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 23/4/2021)

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thu Nga	Trưởng ban
Ông	Lê Thanh Hiếu	Thành viên
Ông	Bùi Anh Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Phạm Hoàng Hưng	Giám Đốc
Ông	Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
Bà	Thân Thị Hà	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính là Ông Phạm Hoàng Hưng

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Cam kết của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Bắc Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2022

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Hoàng Hưng

Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

Số: B0721040-12TR/AISHN-TC **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi:

QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được lập ngày 01 tháng 3 năm 2022, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM (“AISC”)

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2022



PHẠM XUÂN SƠN

Số Giấy CNĐKHNKT: 1450-2019-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Số Giấy CNĐKHNKT: 4945-2019-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2021	1/1/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.202.138.499	33.532.774.787
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.235.515.095	21.234.421.670
1. Tiền	111		6.441.474.732	14.634.693.038
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.794.040.363	6.599.728.632
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.230.829.550	3.265.803.669
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.749.979.600	2.877.042.700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	103.607.831	148.262.501
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	377.242.119	240.498.468
III. Hàng tồn kho	140	V.5	7.199.352.001	8.646.548.082
1. Hàng tồn kho	141		7.199.352.001	8.646.548.082
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		536.441.853	386.001.366
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		217.736.019	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	318.705.834	386.001.366
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.154.901.850	112.423.929.779
I. Tài sản cố định	220		94.627.117.203	107.586.345.502
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	94.627.117.203	107.586.345.502
- Nguyên giá	222		205.722.266.960	205.722.266.960
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.095.149.757)	(98.135.921.458)
II. Tài sản dài hạn khác	260		7.527.784.647	4.837.584.277
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	7.527.784.647	4.837.584.277
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		129.357.040.349	145.956.704.566

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2021	1/1/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.543.987.264	45.684.788.481
I. Nợ ngắn hạn	310		10.384.056.459	8.527.113.926
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.8	3.131.888.044	2.278.897.960
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	45.010.990	57.769.490
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	63.315	311.667.073
4. Phải trả người lao động	314		284.286.948	950.462.928
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	623.160.451	128.847.923
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.101.005.761	2.945.520.552
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	3.405.862.050	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.792.778.900	1.853.948.000
II. Nợ dài hạn	330		23.159.930.805	37.157.674.555
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	23.159.930.805	37.157.674.555
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		95.813.053.085	100.271.916.085
II. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	95.813.053.085	100.271.916.085
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		84.000.000.000	84.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		84.000.000.000	84.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.385.990.951	9.385.990.951
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.427.062.134	6.885.925.134
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.127.197.634	5.297.770.540
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.700.135.500)	1.588.154.594
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		129.357.040.349	145.956.704.566

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Mai Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Thân Thị Hà

Bắc Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2022



Phạm Hoàng Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	66.185.968.817	74.255.739.039
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.185.968.817	74.255.739.039
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	62.792.529.952	63.134.880.911
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.393.438.865	11.120.858.128
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	524.690.150	1.069.301.141
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.733.971.430	3.456.124.628
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.733.971.430	2.608.006.576
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.687.485.856	1.086.903.617
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.224.313.192	5.783.184.640
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(3.727.641.463)	1.863.946.384
11. Thu nhập khác	31	VI.6	27.505.963	326.400
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		27.505.963	326.400
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(3.700.135.500)	1.864.272.784
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	276.118.190
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(3.700.135.500)	1.588.154.594
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(440)	189

Bắc Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Mai Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thân Thị Hà



GIÁM ĐỐC

Phạm Hoàng Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.700.135.500)	1.864.272.784
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		12.959.228.299	12.965.340.144
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(323.046.250)	(105.331.237)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(201.643.900)	(234.478.173)
- Chi phí lãi vay	06		1.733.971.430	2.608.006.576
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.468.374.079	17.097.810.094
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(3.128.245.449)	3.702.867.931
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		1.447.196.081	(2.610.068.906)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(345.278.145)	854.699.195
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(2.690.200.370)	5.296.232.819
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.741.366.902)	(2.635.402.361)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(976.134.927)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(775.521.600)	(854.934.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.234.957.694	19.875.069.845
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		214.422.981	272.952.353
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		214.422.981	272.952.353
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.268.835.450)	(8.656.847.991)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.179.451.800)	(182.303.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.448.287.250)	(8.839.151.791)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(7.998.906.575)	11.308.870.407
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		21.234.421.670	9.925.551.263
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	13.235.515.095	21.234.421.670

Bắc Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Mai Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Thân Thị Hà

GIÁM ĐỐC



Phạm Hoàng Hưng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 3 năm 2016.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất và buôn bán hóa chất H₂O₂

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa;
- Sản xuất hoá chất cơ bản;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà công ty kinh doanh;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

Tên tiếng anh: HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: HPCO

Mã chứng khoán: HPH (UpCom)

Trụ sở chính: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2021: 54 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 58 nhân viên)**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc

06 - 50 năm

Máy móc, thiết bị

06 - 15 năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

06 - 10 năm

Tài sản cố định hữu hình khác

05 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập BCTC.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu lãi các khoản tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp) chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	12/31/2021	1/1/2021
Tiền	6.441.474.732	14.634.693.038
Tiền mặt	298.336.581	152.831.168
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.143.138.151	14.481.861.870
Các khoản tương đương tiền	6.794.040.363	6.599.728.632
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	6.794.040.363	6.599.728.632
Cộng	13.235.515.095	21.234.421.670

(*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang có kỳ hạn 2 tháng, lãi suất 2,9%/năm.

2. Phải thu của khách hàng

	12/31/2021		1/1/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	5.749.979.600	-	2.877.042.700	-
Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	1.595.887.200	-	832.889.300	-
Công ty TNHH Công nghệ Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	811.221.400	-	1.299.708.300	-
Công ty Cổ phần hóa chất và môi trường An Phú	658.363.200	-	-	-
Công ty TNHH MTV Hóa Cảnh	552.135.800	-	470.342.300	-
Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	440.618.200	-	-	-
Các khách hàng khác	1.691.753.800	-	274.102.800	-
Cộng	5.749.979.600	-	2.877.042.700	-

3. Trả trước cho người bán

	12/31/2021		1/1/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	103.607.831	-	148.262.501	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Lạng Sơn	81.607.681	-	1	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Nano ứng dụng	-	-	148.262.400	-
Các nhà cung cấp khác	22.000.150	-	100	-
Cộng	103.607.831	-	148.262.501	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Phải thu khác	12/31/2021		1/1/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	377.242.119	-	240.498.468	-
Lãi dự thu tiền gửi	8.376.214	-	21.155.295	-
Ký cược, ký quỹ	1.500.000	-	1.500.000	-
Tạm ứng	304.200.000	-	193.700.000	-
Phải thu khác	63.165.905	-	24.143.173	-
Cộng	377.242.119	-	240.498.468	-

5. Hàng tồn kho	12/31/2021		1/1/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.245.891.833	-	5.302.806.459	-
Công cụ, dụng cụ	6.037.000	-	57.837.000	-
Thành phẩm	947.423.168	-	3.285.904.623	-
Cộng	7.199.352.001	-	8.646.548.082	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.054.643.113	179.120.360.211	345.454.545	201.809.091	205.722.266.960
Số dư cuối năm	26.054.643.113	179.120.360.211	345.454.545	201.809.091	205.722.266.960
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.228.283.076	89.376.226.398	345.454.545	185.957.439	98.135.921.458
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>1.001.486.887</i>	<i>11.951.401.080</i>	-	<i>6.340.332</i>	<i>12.959.228.299</i>
Số dư cuối năm	9.229.769.963	101.327.627.478	345.454.545	192.297.771	111.095.149.757
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	17.826.360.037	89.744.133.813	-	15.851.652	107.586.345.502
Số dư cuối năm	16.824.873.150	77.792.732.733	-	9.511.320	94.627.117.203

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 100.774.992.151 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 753.782.462 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Chi phí trả trước			12/31/2021	1/1/2021
Chi phí trả trước dài hạn			7.527.784.647	4.837.584.277
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định			7.527.784.647	4.837.584.277
Cộng			7.527.784.647	4.837.584.277
8. Phải trả người bán			12/31/2021	1/1/2021
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	3.131.888.044	3.131.888.044	2.278.897.960	2.278.897.960
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.131.888.044	3.131.888.044	2.278.897.960	2.278.897.960
Cộng	3.131.888.044	3.131.888.044	2.278.897.960	2.278.897.960
9. Người mua trả tiền trước			12/31/2021	1/1/2021
Ngắn hạn			45.010.990	57.769.490
Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Việt Nam			22.080.000	22.080.000
Công ty TNHH Thương mại XNK Hóa chất và Phân bón Vạn Tiến Phát			17.783.400	-
Công ty Cổ phần Thế giới đá khô			4.272.000	4.272.000
Các khách hàng khác			875.590	31.417.490
Cộng			45.010.990	57.769.490
10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	1/1/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	12/31/2021
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	309.630.318	2.116.021.357	2.425.651.675	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.036.755	41.119.359	43.092.799	63.315
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	311.667.073	2.160.140.716	2.471.744.474	63.315
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.881.810	-	-	73.881.810
Tiền thuê đất	312.119.556	67.295.532	-	244.824.024
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	386.001.366	67.295.532	-	318.705.834
11. Chi phí phải trả			12/31/2021	1/1/2021
Ngắn hạn			623.160.451	128.847.923
Trích trước chi phí hỗ trợ vận chuyển			582.762.000	81.054.000
Trích trước chi phí bảo vệ			21.000.000	21.000.000
Trích trước chi phí lãi vay			19.398.451	26.793.923
Cộng			623.160.451	128.847.923

198
H
NG
M
CH
H
TRU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả khác	<u>12/31/2021</u>	<u>1/1/2021</u>
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	60.279.144	62.148.094
Bảo hiểm xã hội	148.706	148.706
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	609.131.040	1.788.582.840
Nguyên liệu, vật tư chưa có hóa đơn	182.032.109	896.001.150
Quỹ khen thưởng Ban Giám đốc và các quỹ công đoàn	61.653.976	61.653.976
Quỹ thưởng Ban điều hành	86.625.544	42.250.544
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	86.257.524	77.757.524
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.877.718	16.977.718
Cộng	<u>1.101.005.761</u>	<u>2.945.520.552</u>

1-6
 IÁN
 / TI
 TO
 TH
 .IM
 3-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Vay và nợ thuê tài chính

	12/31/2021		Trong năm		1/1/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay dài hạn đến hạn trả	3.405.862.050	3.405.862.050	3.405.862.050	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang	3.405.862.050	3.405.862.050	3.405.862.050	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang	1.672.766.250	1.672.766.250	1.672.766.250	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang	1.733.095.800	1.733.095.800	1.733.095.800	-	-	-
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang	23.159.930.805	23.159.930.805	(3.405.862.050)	10.591.881.700	37.157.674.555	37.157.674.555
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang	13.047.599.775	13.047.599.775	-	5.151.684.320	18.199.284.095	18.199.284.095
Phân loại vay dài hạn đến hạn trả	13.518.193.080	13.518.193.080	-	5.440.197.380	18.958.390.460	18.958.390.460
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang	(3.405.862.050)	-	(3.405.862.050)	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang	(1.672.766.250)	-	(1.672.766.250)	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang	(1.733.095.800)	-	(1.733.095.800)	-	-	-
Cộng	26.565.792.855	26.565.792.855	-	10.591.881.700	37.157.674.555	37.157.674.555

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

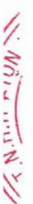
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuyết minh chi tiết vay các khoản vay ngân hàng							
Stt	Số hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất	Số dư (USD)	Quy đổi (VNĐ)	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang							
Hợp đồng số 0001 -							
1	018-01/HBTD ngày 15/7/2010	1.503.879 USD	7%/năm	566.671 USD	13.047.599.775	Thanh toán công nợ cho nhà thầu thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm.	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm.
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang							
Hợp đồng số							
2	01/10/DTDA/BG ngày 15/7/2010	1.610.924 USD	4,5%/năm	741.029 USD	13.518.193.080	Thanh toán công nợ cho nhà thầu thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm.	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	8.489.879.039	7.815.544.452	100.305.423.491
Lợi nhuận	-	-	1.588.154.594	1.588.154.594
Phân phối lợi nhuận		896.111.912	(2.517.773.912)	(1.621.662.000)
Số dư cuối năm trước	84.000.000.000	9.385.990.951	6.885.925.134	100.271.916.085
Số dư đầu năm nay	84.000.000.000	9.385.990.951	6.885.925.134	100.271.916.085
Lợi nhuận	-	-	(3.700.135.500)	(3.700.135.500)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(758.727.500)	(758.727.500)
Số dư cuối năm nay	84.000.000.000	9.385.990.951	2.427.062.134	95.813.053.085

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 110/HQĐHĐCĐ-HPCO ngày 24/4/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	100,00%	6.885.925.134
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	10,37%	714.352.500
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	0,64%	44.375.000
Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	88,98%	6.127.197.634

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	12/31/2021	1/1/2021
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	64,56%	54.230.000.000	54.230.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	11,90%	9.998.000.000	9.998.000.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	6,67%	5.600.000.000	5.600.000.000
Các cổ đông khác	16,87%	14.172.000.000	14.172.000.000
Cộng	100,00%	84.000.000.000	84.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
Vốn góp của chủ sở hữu	84.000.000.000	84.000.000.000
Vốn góp đầu năm	84.000.000.000	84.000.000.000
Vốn góp cuối năm	84.000.000.000	84.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(44.375.000)	(182.303.800)

đ. Cổ phiếu

	12/31/2021	1/1/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.400.000	8.400.000
Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

c. Các quỹ của doanh nghiệp

	12/31/2021	1/1/2021
Quỹ đầu tư phát triển	9.385.990.951	9.385.990.951
Cộng	9.385.990.951	9.385.990.951

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài:

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2010 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 14.623,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	66.075.917.000	74.255.739.039
Doanh thu bán hàng hóa	110.051.817	-
Cộng	66.185.968.817	74.255.739.039
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn bán thành phẩm	62.682.478.136	63.134.880.911
Giá vốn bán hàng hóa	110.051.816	-
Cộng	62.792.529.952	63.134.880.911
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	201.643.900	234.478.173
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	323.046.250	834.822.968
Cộng	524.690.150	1.069.301.141
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	1.733.971.430	2.608.006.576
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	848.118.052
Cộng	1.733.971.430	3.456.124.628
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	347.841.856	320.614.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.339.644.000	766.289.400
Cộng	1.687.485.856	1.086.903.617
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	2.697.610.724	3.928.327.194
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.925.847	117.828.574
Chi phí khấu hao TSCĐ	129.841.399	139.123.500
Thuế, phí, lệ phí	77.196.016	102.136.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	419.040.000	785.868.595
Chi phí bằng tiền khác	853.699.206	709.900.303
Cộng	4.224.313.192	5.783.184.640
6. Thu nhập khác		
Xử lý vật tư không có chứng từ hoàn ứng	24.706.000	-
Các khoản khác	2.799.963	326.400
Cộng	27.505.963	326.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2021	Năm 2020
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.779.337.104	48.331.304.681
Chi phí nhân công	7.566.417.669	8.574.931.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.959.228.299	12.965.340.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.865.166.636	806.868.595
Chi phí khác bằng tiền	1.192.733.837	1.771.875.927
Cộng	66.362.883.545	72.450.320.449
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.700.135.500)	1.588.154.594
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.700.135.500)	1.588.154.594
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.400.000	8.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(440)	189

9. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

9.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

9.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	3.405.862.050	23.159.930.805	-	26.565.792.855
Phải trả người bán	3.131.888.044	-	-	3.131.888.044
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.429.201.318	-	-	1.429.201.318
Cộng	7.966.951.412	23.159.930.805	-	31.126.882.217
Ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Các khoản vay và nợ	-	37.157.674.555	-	37.157.674.555
Phải trả người bán	2.278.897.960	-	-	2.278.897.960
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3.074.368.475	-	-	3.074.368.475
Cộng	5.353.266.435	37.157.674.555	-	42.510.940.990

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Xem Thuyết minh Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	12/31/2021	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2020
Tài sản tài chính				
- Phải thu khách hàng	5.749.979.600	-	2.877.042.700	-
- Phải thu khác	73.042.119	-	46.798.468	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	13.235.515.095	-	21.234.421.670	-
TỔNG CỘNG	19.058.536.814	-	24.158.262.838	-
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	26.565.792.855	-	37.157.674.555	-
- Phải trả người bán	3.131.888.044	-	2.278.897.960	-
- Chi phí phải trả	623.160.451	-	128.847.923	-
- Phải trả khác	806.040.867	-	2.701.561.708	-
TỔNG CỘNG	31.126.882.217	-	42.266.982.146	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch/số dư	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	25.869.554.566	30.948.211.652
		Phải trả người bán ngắn hạn	3.131.888.044	2.278.897.960
			Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty Cộng			<u>1.079.832.000</u>	<u>1.067.852.055</u>
			<u>1.079.832.000</u>	<u>1.067.852.055</u>

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2021 trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm 2020 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Mai Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Thân Thị Hà

Bắc Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2022

GIÁM ĐỐC




Phạm Hoàng Hưng

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Căn cứ nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc số 110/NQĐHĐCĐ - HPCO ngày 23 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ tình hình hoạt động và báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh;

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông công ty về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

**PHẦN I
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021**

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty Cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc (HPCO) trong việc quản trị, điều hành công ty:

- Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động của Hội đồng Quản trị công ty có nề nếp, có kế hoạch cụ thể, duy trì các cuộc họp đúng quy định của điều lệ Công ty. Trong các cuộc họp có ra các nghị quyết để Giám đốc triển khai thực hiện. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đúng với pháp luật và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

- Giám đốc công ty thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, một số công việc chưa thực hiện đều có báo cáo giải trình tại các cuộc họp của Hội đồng.

- Các phòng bộ phận chức năng của Công ty có sự phối hợp hoạt động tốt. Khối kỹ thuật sản xuất đã làm chủ được công nghệ sản xuất, khi đủ điều kiện đầu vào cho sản xuất đã duy trì chạy máy ổn định, an toàn, đạt sản lượng và chất lượng sản phẩm theo kế hoạch, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Các định mức tiêu hao cho sản xuất Ôxy già của Công ty đều giảm và bằng so với định mức kế hoạch được giao (riêng định mức điện cao hơn so với kế hoạch do phải ngừng – chạy lại máy nhiều lần và không bán được sản phẩm loãn). Tuy nhiên, năm 2021 kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty lỗ 3,7 tỷ đồng, không đảm toàn được vốn do một số những nguyên nhân sau:

+ Thời gian ngừng máy nhiều tổng số là 29 lần trong đó 25 lần ngừng do không có nguyên liệu đầu và là khí H₂, điện và 04 lần do nội bộ Công ty.

+ Khó khăn trong công tác tiêu thụ sản phẩm: Do ảnh hưởng của dịch covid -19 là nhu cầu tiêu dùng hàng hóa trên thế giới giảm mạnh một số ngành hàng sử dụng ô xy già để phục vụ sản xuất như dệt may, giấy, điện tử, thuộc gia... phải giảm năng lực hoặc ngừng sản xuất dẫn đến nhu cầu sử dụng ô xy già giảm mạnh cung luôn dư thừa là giá sản phẩm giảm, đặc biệt tháng 5/2021 tỉnh Bắc Giang là tâm dịch của cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg của Chính phủ, toàn bộ khu công nghiệp phải dừng hoạt động trong một thời gian, khó khăn trong vận chuyển lưu thông hàng hóa đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính hình tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

Khởi nghiệp vụ đã chủ động nắm bắt những vấn đề kinh tế, đã chủ động cân đối dòng tiền đã trả trước khoản vay dài hạn năm 2022 theo cam kết tiến độ trả nợ gốc với các ngân hàng góp phần giảm lãi vay đầu tư, sử dụng hiệu quả nguồn tiền đảm bảo an toàn tài chính, không phải vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thường xuyên cập nhật những quy định về hạch toán của Nhà nước để xây dựng báo cáo tài chính đúng chuẩn mực.

Việc mở sổ kế toán, tổ chức hạch toán và lưu trữ chứng từ được Phòng kế toán của Công ty thực hiện đúng quy định.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2021, Ban Kiểm soát đã duy trì kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, của Giám đốc Công ty. Việc trao đổi công việc của các thành viên Ban kiểm soát chủ yếu thông qua các phương tiện điện tử:

- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch sửa chữa lớn, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập.

- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

- Giám sát việc sử dụng vốn kinh doanh của Công ty.

- Cử người tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Cho ý kiến về các vấn đề liên quan đến hạch toán kế toán, các biện pháp liên quan đến tiền lương, tiêu thụ sản phẩm và những ý kiến với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

3. Thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính năm 2021:

3.1. Căn cứ thẩm tra báo cáo tài chính của công ty.

Báo cáo tài chính năm 2021 do Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Thuyết minh báo cáo tài chính.

3.2. Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính năm 2021

- Ban kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty do Kiểm toán và dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh kiểm toán được lập theo đúng quy định của Luật kế toán và các quy định của chuẩn mực kế toán đủ độ tin cậy.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN (So với KHSXKD theo nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2021)

BẢNG TỔNG KẾT TÀI SẢN (Dạng rút gọn)

DVT: Đồng

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6.230.829.550	3.265.803.669	2.965.025.881
IV. Hàng tồn kho	7.199.352.001	8.646.548.082	-1.447.196.081
V. Tài sản ngắn hạn khác	536.441.853	386.001.366	150.440.487
B. Tài sản dài hạn	102.154.901.850	112.423.929.779	-10.269.027.929
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	0
II. Tài sản cố định	94.627.117.203	107.586.345.502	-12.959.228.299
III. Bất động sản đầu tư	-	-	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	0
V. Tài sản dài hạn khác	7.527.784.647	4.837.584.277	2.690.200.370
Tổng cộng tài sản	129.357.040.349	145.956.704.566	-16.599.664.217
NGUỒN VỐN			
A. Nợ phải trả	33.543.987.264	53.661.375.026	-20.117.387.762
I. Nợ ngắn hạn	10.384.056.459	7.741.521.243	2.642.535.216
II. Nợ dài hạn	23.159.930.805	45.919.853.783	-22.759.922.978
B. Vốn chủ sở hữu	95.813.053.085	100.305.423.491	-4.492.370.406
I. Vốn chủ sở hữu	95.813.053.085	100.305.423.491	-4.492.370.406
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	0
Tổng cộng nguồn vốn	129.357.040.349	153.966.798.517	-24.609.758.168

KẾT QUẢ KINH DOANH

Dvt: Đồng

Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch
(a)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.185.968.817	74.255.739.039	(8.069.770.222)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.185.968.817	74.255.739.039	(8.069.770.222)
4. Giá vốn hàng bán	62.792.529.952	63.134.880.911	(342.350.959)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.393.438.865	11.120.858.128	(7.727.419.263)

6. Doanh thu hoạt động tài chính	524.690.150	1.069.301.141	(544.610.991)
7. Chi phí tài chính	1.733.971.430	3.456.124.628	(1.722.153.198)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	1.733.971.430	2.608.006.576	(874.035.146)
8. Chi phí bán hàng	1.687.485.856	1.086.903.617	600.582.239
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.224.313.192	5.783.184.640	(1.558.581.448)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.727.641.463)	1.863.946.384	(5.591.587.847)
11. Thu nhập khác	27.505.963	326.400	27.179.563
12. Chi phí khác			
13. Lợi nhuận khác	27.505.963	326.400	27.179.563
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.700.135.500)	1.864.272.784	(5.564.408.284)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		276.118.190	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.700.135.500)	1.588.154.594	(5.288.290.094)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(440)	189	

PHẦN II NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Số ngày đủ nguyên nhiên liệu, động lực để duy trì sản xuất là 279 ngày, xúc tác bước vào giai đoạn cuối chu kỳ nên hoạt tính giảm, số lần ngừng chạy máy nhiều làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh. Do diễn biến của dịch covid – 19 ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công tác quản lý thiết bị và công nghệ được duy trì thường xuyên.

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Sản phẩm Ôxy già của Công ty sản xuất ra luôn đạt chất lượng theo tiêu chuẩn TCCS 01:2011/HPCO đã công bố. Sản phẩm đáp ứng chất lượng cho các ngành sản xuất giấy, dệt may và xử lý môi trường và đã có đơn vị sử dụng trong ngành điện tử. Phối hợp cùng các nhà phân phối giải đáp các kiến nghị của người sử dụng về chất lượng sản phẩm, đã tạo được niềm tin về chất lượng sản phẩm của Công ty với người sử dụng.

- Bước sang năm 2022 giá khí Hydro, hơi nước là nguyên liệu chính đầu vào cho sản xuất Ôxy già tăng với năm 2021. Giá hóa chất nhập khẩu từ thị trường Trung quốc tăng mạnh do ảnh hưởng chi phí vận chuyển, nhập khẩu tăng cao và chính sách kiểm soát dịch bệnh của Trung Quốc. Việc phân bổ chi phí sửa chữa lớn các năm trước và một số thiết bị đưa vào vận hành từ khi dự án đi vào sản xuất đã đến chu kỳ sửa chữa lớn làm chi phí sửa chữa trong năm 2022 tăng, năm nay Công ty cần bổ sung 02 tấn xúc tác paladi để duy trì ổn định năng lực sản xuất của dây chuyền trong điều kiện giá Paladi tăng, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Trước những thách thức như trên đòi hỏi Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và toàn bộ người lao động Công ty phải có những nỗ lực để duy trì sản xuất kinh doanh ổn định, đạt hiệu quả. Tại Đại hội cổ đông này, Ban kiểm soát xin báo cáo và

đề nghị Đại hội cổ đông có những quyết sách hợp lý nhằm đẩy sản xuất, ổn định dòng tiền cho sản xuất, trả gốc vốn vay đầu tư đúng hạn, phân đầu sản xuất kinh doanh có lãi, tiếp tục bảo toàn vốn Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:

- Hội đồng QT
- Giám Đốc
- Các Thành viên
- Lưu VT, BKS

CÁC THÀNH VIÊN

TRƯỞNG BAN



Lê Thanh Hiếu

Nguyễn Anh Tuấn

Nguyễn Thu Nga